

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST

Ngày 30/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Hương

- Ông Phan Văn Đông

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Diệp, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà: Ông Hà Sỹ Thái - Kiểm sát viên .

Trong ngày 30/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/HSST, ngày 30/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/10/1969 tại tỉnh N; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú 1: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K; nơi cư trú 2: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Đ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 16/6/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đã chấp hành xong bản án, được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2017 đến nay. Có mặt.

2. Phan Văn H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/6/1973 tại tỉnh N; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C(Đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nguyễn Thị N (ly hôn năm 2011) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 17/02/2000 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Ngày 19/12/2006 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Đã chấp hành xong hai bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2017 đến ngày 23/6/2018 được tại ngoại; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Trương Quang C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/6/1991 tại tỉnh Q; nơi cư trú 1: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; nơi cư trú 2: Khối 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang H và bà Lê Thị H; tiền án: 01 tiền án; theo bản án số: 36/2016/HSST ngày 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 09/02/2017 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Thành T; tên gọi khác: B; sinh ngày 19/9/1988 tại K; nơi cư trú: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Huỳnh Thị Minh N; có vợ là Đậu Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 23/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh K xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã chấp hành xong bản án, được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2017 đến ngày 23/6/2018 được tại ngoại; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

2) Chị Trần Thị H; sinh năm 1971; nơi cư trú: 646 Trần P, Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Xin vắng mặt.

3) Anh Võ Nguyên K; nơi cư trú: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; Xin vắng mặt.

Người làm chứng:

1) Anh Nguyễn Văn M; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

2) Anh Lê Tự D; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

3) Anh Trần Hữu A; nơi cư trú: Công ty Phúc Thịnh H, khu công nghiệp T, xã C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

4) Anh Nguyễn Văn D; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

- 5) Ông Phạm Văn N; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.
- 6) Anh Nguyễn Văn C; nơi cư trú: Thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.
- 7) Anh Phan Tấn Đăng K; nơi cư trú Số 03 Thi S, phường T, thành phố K, tỉnh K. Có mặt
- 8) Anh Nguyễn Xuân T; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/6/2017, Phan Văn H là người nghiện ma túy đã điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82K-6076 đi đến nhà rẫy của Bùi Văn H tại thôn Đ, xã Đ, huyện N để mua ma túy sử dụng, Hu đi theo đường Hồ Chí Minh lên xã Đ, huyện N, khi đi qua nghĩa trang thôn N, Hu rẽ phải qua cầu treo theo đường đất vào nhà Hội tại thôn Đ, xã Đ. Khi cách nhà H khoảng 20 mét Hu dừng xe đi bộ vào nhà thì gặp H đang đứng ở cửa, Hu nói “*Anh để cho em ba trăm ngàn*” và đưa cho H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), H cầm tiền đi vào trong nhà một lúc sau quay ra đưa cho Hu một gói Heroin được gói bằng nilong và cho thêm một gói nhỏ Heroin được gói bằng giấy, sau đó Hu cất gói giấy vào cốp xe rồi cầm gói nilong trên tay đi về nhà tại tổ dân phố 5, thị trấn P, khi Hu đi qua cầu treo đến đường Hồ Chí Minh thì bỏ túi nilong kẹp vào giữa bàn chân trái và dép rồi tiếp tục đi về thị trấn P, khi đến tổ dân phố 5, thị trấn P thì bị lực lượng Công an huyện N kiểm tra bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy mà Hu vừa mua của Bùi Văn H.

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2017, Trương Quang C được Phan Tấn Đăng K (trú tại số 03 Thi S, phường T, thành phố K) giới thiệu tới nhà Bùi Văn H mua ma túy để sử dụng, sau khi quen biết H, trước khi bị bắt khoảng 3-4 ngày C đi một mình đến nhà H mua nợ ma túy của H 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy này, khoảng 19 giờ ngày 22/6/2017, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82T1- 0459 đến nhà Trương Quang C chơi, tại đây C nhờ T chở đi mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý và dùng xe mô tô biển kiểm soát 82T1- 0459 chở C lên N. Khi đến thị trấn P, huyện N, C và T đi theo đường Hồ Chí Minh lên xã Đ, huyện N, khi đi ngang qua nghĩa trang thôn N, cả hai rẽ phải đi qua cầu treo theo đường đất vào nhà rẫy của Bùi Văn H tại thôn Đ, xã Đ. Đến nơi, T dừng xe cách nhà H khoảng 20 mét đứng chờ, còn C đi vào nhà rẫy thấy H đang ngồi ở phòng khách thì C trả cho H 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mua nợ ma túy lần trước và mua thêm 2.000.000đ (Hai triệu đồng) ma túy, H cầm tiền đi ra ngoài một lúc sau quay lại đưa cho C 01 gói nilong chứa heroin, sau đó C được T chở về Đ. Khi T và C đi đến cầu treo thì nhìn thấy Công an, C ngồi phía sau nhảy xuống xe bỏ chạy vào lô cà phê nhưng sau đó bị bắt,

C đã thả ma túy từ tay của mình xuống đất thì bị phát hiện. Cơ quan công an huyện N đã lập biên bản phạm tội quả tang đối với C và T.

Căn cứ vào lời khai của Phan Văn H, Trương Quang C và Nguyễn Thành T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn H tại nhà rẫy ở thôn Đ, xã Đ, huyện N. Khi thấy lực lượng công an, Bùi Văn H và Nguyễn Văn M (Người làm thuê cho H) bỏ chạy, Hội nhảy xuống ao phía trước nhà, ngay sau đó H bị khống chế, bắt giữ. Lúc này, trong nhà H có các đối tượng Lê Tự D, Trần Hữu A, Nguyễn Văn Ch, Phạm Văn N và Nguyễn Thị Đ là vợ của Bùi Văn H. Tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Văn H phát hiện: Trên khe tấm nệm trải trên nền phòng khách có 01 gói nilong màu trắng, có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; trên kệ ti vi phòng khách có 02 gói nilong có chứa chất rắn dạng cục bột màu trắng; trên nền nhà cách cửa chính khoảng 0,5m có 01 gói nilong có chứa chất rắn dạng cục bột màu trắng; 03 miếng giấy bạc đã cháy đen trên kệ ti vi, 01 bình sử dụng ma túy đá; trong khe rách của hai tấm nệm trải ở hiên nhà 01 khẩu súng K59 và 06 viên đạn; 01 cân tiểu ly điện tử tại vườn cà phê cách cửa chính khoảng 04m; 16 kim tiêm và 17 ống nước cất trong bì nilong treo trên cột nhà; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tạm giữ toàn bộ tang vật, bắt khẩn cấp đối với Bùi Văn H.

Tại các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K:

Kết luận số 36/KLHD ngày 23/6/2017 xác định: 02 gói chất rắn màu trắng dạng cục bột mà Công an huyện N thu giữ lúc bắt quả tang Phan Văn H là heroin, tổng trọng lượng là 0,193 gam.

Kết luận giám định số 37/KLHD ngày 23/6/2017, xác định: 01 gói chất rắn màu trắng dạng cục bột mà Công an huyện N thu giữ lúc bắt quả tang Trương Quang C và Nguyễn Thành T là heroin, tổng trọng lượng 1,895 gam.

Kết luận giám định số 38/KLHD ngày 25/6/2017, xác định: 03 gói chất rắn màu trắng dạng cục bột mà Công an huyện N thu giữ lúc khám xét chỗ ở của Bùi Văn H là heroin, tổng trọng lượng là 2,333 gam và 01 gói chất rắn dạng tinh thể màu trắng là Methamphetamine, tổng trọng lượng là 2,531 gam.

Tại kết luận giám định số 418/C54C(Dd4) ngày 11/7/2017 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đ kết luận: Khẩu súng ngắn và 06 viên đạn phát hiện thu giữ lúc khám xét chỗ ở của Bùi Văn H là súng ngắn K59 cỡ nòng 9mm, còn sử dụng được, 06 viên đạn cỡ (9x18) mm còn sử dụng được. Khẩu súng và 06 viên đạn thuộc vũ khí quân dụng. Cơ quan điều tra Công an huyện N đã tách và chuyển lên cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh K để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Về vật chứng của vụ án gồm 01(một) khẩu súng ngắn K59 và 06 viên đạn; 03 (ba) miếng giấy bạc kích thước (2x4) cm một phần bị cháy đen; 01(một) bình nhựa màu trắng có 02 ống cắm vào dùng để sử dụng ma túy đá; 01(một) cân điện tử màu đen; 16(mười sáu) kim tiêm và 17 (mười bảy) ống nước cất chưa qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 233276244 mang tên Phan Văn H; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia1280 màu đen; số tiền 21.230.000đ (Hai mươi một

triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô BKS 82K5-6076; 01 (một) xe mô tô BKS 82T1-0459 và toàn bộ số ma túy thu được từ các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 27/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N tỉnh K truy tố Bùi Văn H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 và tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; truy tố Phan Văn H, Trương Quang C, Nguyễn Thành T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 BLHS 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo: Bùi Văn H từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Quang C từ 15 đến 18 tháng tù; Xử phạt Phan Văn H; Nguyễn Thành T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng Điều 38; khoản b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 08 đến 10 năm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số hê rô in đã tạm giữ; 03 miếng giấy bạc kích thước 02 x 04 cm một phần bị cháy đen; 01 bình nhựa màu trắng có hai ống cắm vào dùng để sử dụng ma túy đá; 16 kim tiêm và 17 ống nước cất chưa qua sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) cân điện tử màu đen; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu đen; 3.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính của Bùi Văn H.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 20.330.000 đồng; Phan Văn H 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn Hu.

Quá trình tố tụng sơ thẩm và phúc thẩm: Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 24/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện N tỉnh K truy tố Bùi Văn H về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; truy tố Phan Văn H, Trương Quang C, Nguyễn Thành T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 BLHS 1999.

Tại Bản án số: 04/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, tuyên:

Bị cáo Bùi Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2017.

Các bị cáo: Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn Hu phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Trương Quang C 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2017.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành T và Phan Văn H mỗi bị cáo 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2017.

Ngày 10/02/2018 bị cáo Bùi Văn H kháng cáo đối với Bản án số: 04/2018/HS-ST ngày 08/02/2018, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm xem xét lại hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H không kháng cáo, không bị kháng nghị, do đó Bản án số: 04/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 đối với các bị cáo: Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H có hiệu lực pháp luật thi hành. Tòa án nhân dân huyện N đã ra Quyết định thi hành án hình phạt tù đối với các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H.

Tại Bản án số: 03/2018/HS-PT ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh K, tuyên Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án nhân dân tỉnh K hành quyết định:

Đình chỉ Quyết định thi hành án hình phạt tù đối với các bị cáo: Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H.

Quyết định tạm giam đối với các bị cáo: Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H kể từ ngày ký Quyết định đình chỉ Quyết định thi hành án hình phạt tù đối với các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện N thụ lý lại vụ án.

Ngày 11/6/2018 các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đ xem xét lại Bản án Phúc thẩm số: 03/2018/HS-PT ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh K về việc hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

Ngày 25/7/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đ chuyển trả Hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân huyện N xem xét quyết định truy tố theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa khi các bị cáo thực hiện quyền được nói lời sau cùng:

- Bị cáo Bùi Văn H: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo tuổi cao, sức khỏe yếu, mất bị khiếm thị.

- Các bị cáo Trương Quang C, Phan Văn H, Nguyễn Thành T đều thừa nhận hành vi, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm trước đây đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố lại đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra lại và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H thừa nhận: Ngày 22/6/2017 các bị cáo đến nhà rẫy của Bùi Văn H tại thôn Đ, xã Đ, huyện N mua của Bùi Văn H hê rô in để sử dụng, trên đường về thì bị bắt quả tang, khối lượng hê rô in của Phan Văn H mua của Bùi Văn H bị bắt quả tang được giám định có khối lượng là 0,193 gam, khối lượng hê rô in của Trương Quang C và Nguyễn Thành T mua của Bùi Văn H bị bắt quả tang được giám định có khối lượng là 1,895 gam, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các biên bản: Phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và kết luận giám định đối với khối lượng hê rô in mà cơ quan điều tra thu giữ, nên có đủ cơ sở khẳng định. Các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H sau khi bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mua của Bùi Văn H cơ quan Điều tra đã tiến hành khám xét đối với nơi ở của Bùi Văn H tại thôn Đ, xã Đ đã thu giữ trong nhà bị cáo Bùi Văn H khối lượng heroin có tổng trọng lượng là 2,333 gam và khối lượng Methamphetamine có tổng trọng lượng là 2,531 gam, tuy nhiên bị cáo H luôn quanh co chối tội không thừa nhận khối lượng heroin và khối lượng Methamphetamine thu giữ trong nhà H là của mình, nhưng trên cơ sở lời khai của các bị cáo C, Hu, T, những người làm chứng Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Phan Tấn Đăng K và vật chứng thu giữ tại nơi ở của bị cáo H, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H chỉ thừa nhận bán cho Trương Quang C 2.000.000 đồng hê rô in vào ngày 22/6/2017, không thừa nhận bán hê rô in cho Phan Văn H và Trương Quang C trả 1.500.000 đồng tiền mua nợ ma túy trước đây, tuy nhiên sau khi các bị cáo Trương Quang C, Nguyễn Thành T, Phan Văn H bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo đã khai nhận về khối lượng hê rô in bị bắt quả tang có nguồn gốc mua của Bùi Văn H vào ngày 22/6/2017, Phan Văn Hu là 0,193 gam và Trương Quang C, Nguyễn Thành T là 1,895 gam, bị cáo C thừa nhận ngoài khối lượng hê rô in là 1,895 gam mua của Bùi Văn H ngày 22/6/2017 với giá là 2.000.000 đồng, bị cáo C còn trả cho Bùi Văn H 1.500.000 đồng tiền mua nợ ma túy trước đây. Trên cơ sở lời khai của các bị cáo C, T, Hu và các lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Phan Tấn Đăng K và vật chứng thu giữ tại nơi ở của Bùi Văn H ngoài hê rô in, Methamphetamine còn thu giữ cân tiểu ly, kim tiêm, nước cất, súng K59, sáu viên đạn, đã đủ cơ sở khẳng định Bùi Văn H đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phan Văn H có khối lượng là 0,193 gam hê rô in với giá 300.000 đồng, Trương Quang C và Nguyễn Thành T có khối lượng là 1,895

gam hê rô in với giá 2.000.000 đồng đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” định khung hình phạt “Phạm tội nhiều lần” tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy của Bùi Văn H là hai hành vi độc lập, bị cáo H bán trái phép ma túy cho Trương Quang C và Phan Văn H sau đó C, H bị bắt và đã khai nguồn gốc ma túy mua của Bùi Văn H, khi khám xét nhà H thu giữ 2,333 gam heroin và 2,531 gam Methamphetamine, do đó bị cáo Bùi Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội danh độc lập là “Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy”. Như vậy cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 27/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Để áp dụng các điều kiện có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo được áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm nhẹ hơn mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 từ 02 năm đến 07 năm). Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 có mức hình phạt bằng nhau, tuy nhiên không áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 vì, tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ định khung hình phạt tại điểm b “Phạm tội nhiều lần” còn tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 định khung hình phạt tại điểm b “Phạm tội hai lần trở lên” và tại điểm c “Đối với hai người trở lên”, do đó áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 có các quy định có lợi cho người phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà các bị cáo thực hiện thuộc các trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, vì tính nguy hại của ma túy đối với con người và xã hội mà nhà nước nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy ở bất kỳ hình thức nào, bản thân các bị cáo là con nghiện, phải gánh chịu nặng nề về hậu quả và tác hại của ma túy không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe mà là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm, trực tiếp gây ra các bệnh xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội, thế nhưng vì con nghiện các bị cáo vẫn ngang nhiên tàng trữ trái phép chất ma túy, vì vụ lợi bị cáo H đã ngang nhiên mua bán trái phép chất ma túy, gieo rắc hiểm họa và các tệ nạn xã hội cho người khác, trong khi toàn xã hội đang ra sức đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này và đã có nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền về tác hại của ma túy để mọi người phòng tránh, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, để đảm bảo tính nghiêm minh của

pháp luật, đồng thời răn đe đối với loại tội phạm này, cần xử phạt từng bị cáo với mức án tương xứng với tội danh mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Về hình phạt:

Các bị cáo Bùi Văn H, Trương Quang C, Phan Văn H, Nguyễn Thành T khi bị bắt quả tang khối lượng hê rô in mà các bị cáo tàng trữ có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Bùi Văn H đã bán trái phép ma túy cho Phan Văn H và Trương Quang C và đã có đủ cơ sở chứng minh về hành vi bán trái phép chất ma túy, do đó bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự định khung hình phạt “Phạm tội nhiều lần” tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trương Quang C có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Bùi Văn H, Phan Văn H, Nguyễn Thành T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trương Quang C, Phan Văn H, Nguyễn Thành T có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Văn H luôn thay đổi lời khai, quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo Hội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự cho cả hai tội danh.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân không tốt.

- Bị cáo Bùi Văn H: Năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”,

- Bị cáo Phan Văn H; Năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- Bị cáo Trương Quang C. Tại bản án số 36/2016/HSST ngày 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 09/02/2017 chấp hành xong hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Thành T; Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh K xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in, và Methamphetamine mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 38 KLGD” Mặt

sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 36 KLGD” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K* Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 37 KLGD” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

Xét thấy đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 03 miếng giấy bạc kích thước 02 x 04 cm một phần bị cháy đen;

- 01 bình nhựa màu trắng có hai ống cắm vào, một ống bằng nhựa và một ống bằng thủy tinh có một đầu dạng hình cầu, uốn cong.

- 16 kim tiêm và 17 ống nước cất chưa qua sử dụng;

Xét thấy đây là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cân điện tử màu đen bên ngoài vỏ có chữ “POCKET SCALE”;

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu đen.

Xét thấy đây là công cụ phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 chứng minh nhân dân số 233276244 mang tên Phan Văn Hu, xét đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo Hu không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01(Một) xe mô tô nhãn hiệu FUSIN màu sơn xanh lam BKS 82K5-6076 chủ sở hữu là chị Trần Thị H, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nêu trên là tài sản của chị Trần Thị H, chị H về quê giao xe cho Phan Văn H mượn, Hu dùng xe của chị H làm phương tiện phạm tội, chị H hoàn toàn không biết, nên đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị H là đúng quy định.

- 01(Một) xe mô tô BKS 82T1-0459 chủ sở hữu là anh Võ Nguyên K, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nêu trên là tài sản của anh Võ Nguyên K, Nguyễn Thành T mượn xe của anh K làm phương tiện phạm tội, anh K hoàn toàn không biết, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh K là đúng quy định của pháp luật, nên tòa không đề cập.

- Số tiền 21.230.000 đồng thu của Bùi Văn H khi khám xét nơi ở, quá trình điều tra xác định, trong số tiền 21.230.000 đồng có 20.330.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị Đ vợ bị cáo H ứng tiền bán mỳ có được không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Bùi Văn H, xét trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

- Số tiền còn lại là 900.000 đồng trong số tiền 21.230.000 đồng thu của Bùi Văn H khi khám xét nơi ở, được chứng minh là tiền thu lợi bất chính bị cáo H có được từ bán ma túy, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng mà bị cáo Bùi Văn H bán ma túy cho bị cáo Phan Văn H, xét đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo H nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng và 1.500.000 đồng mà bị cáo Bùi Văn H bán ma túy cho bị cáo Trương Quang C, xét đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo H nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo Bùi Văn H phải nộp là 3.800.000 đồng, đã thu 900.000 đồng, còn phải nộp là 2.900.000 đồng.

- Đối với khẩu súng K59 và 06 viên đạn. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án và chuyển cho phòng an ninh Điều tra Công an tỉnh K điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với các đối tượng Nguyễn Văn M, Lê Tự D, Nguyễn Văn D, Nguyễn Xuân T, Phan Tấn Đăng K, Phạm Văn N, Trần Hữu A, Nguyễn Văn Ch là những con nghiện và là những người chứng kiến việc H tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên họ không liên quan gì đến hành vi phạm tội trong vụ án này nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là đúng quy định, nên không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của H đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Phan Văn H, Trương Quang C, Nguyễn Thành T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về điều luật áp dụng:

2.1. Bị cáo Bùi Văn H.

- Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

2.2 Bị cáo Trương Quang C.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s

khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

2.3. Bị cáo Phan Văn H và bị cáo Nguyễn Thành T.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

2.4. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H (Tên gọi khác: không) 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 08 (Tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo Bùi Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 23-6-2017.

- Xử phạt bị cáo Trương Quang C (Tên gọi khác: không) 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 23-6-2017.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn H (Tên gọi khác: không); Nguyễn Thành T (Tên gọi khác: B) mỗi bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 23-6-2017, thời hạn tù bằng thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

4. Về vật chứng:

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in, và Methamphetamine mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 38 KLGD” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K* Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 36 KLGD” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K* Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

- 01 (Một) phong bì màu trắng bên trong chứa hê rô in mặt trước có chữ “Công an tỉnh K – Phòng Kỹ thuật hình sự” số: 37 KLGD” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi “Công an tỉnh K* Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi tên Phùng Văn Q tại mép dán.

- 03 miếng giấy bạc kích thước 02 x 04 cm một phần bị cháy đen;

- 01 bình nhựa màu trắng có hai ống cắm vào, một ống bằng nhựa và một ống bằng thủy tinh có một đầu dạng hình cầu, uốn cong.

- 16 kim tiêm và 17 ống nước cất chưa qua sử dụng;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K số tiền 20.330.000 đồng; Bị cáo Phan Văn H 01 chứng minh nhân dân số 233276244 mang tên Phan Văn H;

Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2018 và biên lai thu tiền số AA/2010/0005874 ngày 10/01/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện N, tỉnh K.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) cân điện tử màu đen bên ngoài vỏ có chữ “POCKET SCALE”; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu đen; số tiền 900.000 đồng trong số tiền 21.320.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0005874 ngày 10/01/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện N, tỉnh K.

Buộc bị cáo Bùi Văn H phải nộp 2.900.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Trương Quang C, Phan Văn H, Nguyễn Thành T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/10/2018;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

